

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:03/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 13/01/2026

Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan.

2. Ông Võ Minh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang: Vụ án không thuộc trường hợp có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 135/2025/TLST- HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Bích K, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu vực A, phường L, thành phố Cần Thơ (bà K có mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp L, xã V, tỉnh An Giang (ông L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích K trình bày:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bích K và Anh Nguyễn Thành L được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang ngày 19/5/2017 (nay là UBND xã Vĩnh Thuận, tỉnh An Giang). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Anh L không lo làm ăn và quan tâm đến gia đình, chị K nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh L vẫn không sửa đổi. Hiện tại chị K và anh L đã ly thân được khoảng 03 tháng. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị K yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị K trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị K trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 01 tháng 12 năm 2025 bị đơn anh Nguyễn Thành L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L thừa nhận như lời chị K trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống đến năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh L đi làm không có tiền đưa cho vợ nên mới xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại anh L còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn, anh L hứa sẽ không tham gia cờ bạc, rượu chè và sẽ chăm lo làm ăn.

Về con chung: Anh L và chị K không có con chung.

Về chia tài sản chung: Anh L trình bày vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Căn cước công dân, Đơn xin xác nhận nơi cư trú bị đơn; Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị K và anh L;

Bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thành L được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Thành L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bích K và anh Nguyễn Thành L có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân giữa chị K với anh L là hợp pháp. Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng chị K kiên quyết xin ly hôn, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị K với anh L không còn hạnh phúc, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không

hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất cho chị K được ly hôn với anh L.

[3]. Về con chung: Chị K và anh L trình bày không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về chia tài sản chung: Chị K và anh L đều trình bày không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Bích K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Huỳnh Thị Bích K đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0005069 ngày 20/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bích K được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

2. Về con chung: Chị Huỳnh Thị Bích K và anh Nguyễn Thành L trình bày không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản chung: Chị K và ông L trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Bích K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Huỳnh Thị Bích K đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0005069 ngày 20/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA